

HAI NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 6 VỀ CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Ngày 18/2/1989, tại Hà Nội, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã họp Hội nghị cùng các bộ, ngành kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết 6 về công tác khoa học và kỹ thuật, bản phương hướng cho 2 năm 1989 — 1990. Tại Hội nghị, đồng chí Đặng Hữu, chủ nhiệm Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã trình bày bản báo cáo về vấn đề đặt ra. Xin giới thiệu với bạn đọc lược trích phần I bản báo cáo của đồng chí Đặng Hữu.

I - NHỮNG THÀNH TỰU

1. Những thành tựu về nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng kỹ thuật mới.

Thực tế xây dựng kinh tế quốc dân và thực tế sản xuất trong hai năm qua đã đặt ra cho khoa học và kỹ thuật hàng loạt vấn đề cấp bách phải giải quyết, mấu chốt nhất là đổi mới công nghệ và trang thiết bị để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hàng hóa, tạo ra nhiều loại sản phẩm mới cho xã hội, đổi mới cơ chế quản lý và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

Trước yêu cầu bức thiết đó của xã hội, hoạt động KHKT đã hướng mạnh mẽ vào nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mới, công nghệ mới, tạo ra sản phẩm mới cho nền kinh tế quốc dân, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu cơ bản, trong đó có các hoạt động của khoa học xã hội hướng vào thực hiện một số nhiệm vụ trọng điểm đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt và chuẩn bị tích cực cho bước phát triển của những năm tiếp theo. Mặc dù cơ sở vật chất kỹ thuật và các điều kiện khác của các cơ quan nghiên cứu — triển khai, của các trường đại học... còn hết sức thiếu thốn, chưa được trang bị tương xứng với nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước giao và đầu tư của Nhà nước cho hoạt động khoa học và kỹ thuật còn rất hạn chế, lực lượng khoa học và kỹ thuật đã bám sát thực tiễn sản xuất và xã hội, đạt được những thành tựu đáng khích lệ và đã có những đóng góp đáng kể.

Trong hai năm qua, chúng ta đã nhiều lần rà soát lại các nội dung hoạt động khoa học, kỹ thuật trọng điểm để hướng vào thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế lớn và các mục tiêu kinh tế - xã hội quan trọng khác, mặt khác nhờ có những đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế và KHKT áp dụng phương pháp thích hợp để đưa tiến bộ KHKT vào thực tiễn, nhiều

kết quả nghiên cứu khoa học và thành tựu KHKT đã được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống, mang lại kết quả thiết thực và hiệu quả kinh tế rõ rệt. Nhiều kết quả nghiên cứu thu được trong những năm trước đó vậy cũng được lựa chọn, tiến hành thử nghiệm, sản xuất thử và đưa vào kế hoạch sản xuất chính thức.

Trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp, việc tạo thêm được nhiều giống cây trồng mới, vật nuôi mới, kỹ thuật nuôi trồng mới đã góp phần đáng kể nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi và năng suất lao động, nâng cao tính ổn định và tính thích nghi, chống chịu tốt điều kiện thiên nhiên và sâu, bệnh ở nước ta. Cho đến nay, diện tích trồng các giống lúa mới đã chiếm tới khoảng 2/3 tổng diện tích trồng lúa của nước ta, trong đó các vùng lúa thâm canh cao sản và địa bàn trọng điểm lúa ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long đã đạt tới 50 - 60 tạ/ha vụ; tổng số lợn lai kinh tế đã chiếm khoảng 1/2 tổng số lợn nuôi của cả nước với trọng lượng xuất chuồng bình quân đạt trên 60 kg/con.

Đã xây dựng, thử nghiệm và đánh giá một số mô hình sản xuất nông nghiệp, góp phần cải tiến cơ cấu mùa vụ, cây trồng, làm cơ sở cho các đề án phát triển sản xuất nông nghiệp và làm cho vụ đông đang hình thành vụ chính ở đồng bằng sông Hồng. Một số thành tựu nổi bật trong hai năm qua của hoạt động khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực này là đã tạo ra được bộ giống lúa mùa, nhất là giống lúa trồng ở vùng nước sâu mà trước đây không có ở nước ta, mới tạo ra bộ giống lúa cạn, mở ra một triển vọng mới cho các vùng cao, các vùng thiếu nước và thường là vùng thiếu lương thực, tạo ra được bộ giống ngô mới, đặc biệt là các giống ngô đông..., những giống cây mới này đều có khả năng cho năng suất bằng 1,5 đến hơn 2 lần năng suất cây trồng bình quân hiện nay; sản xuất và sử dụng rộng rãi phân vi sinh vật cho đậu tương và lạc, chất kích thích sinh trưởng

cho dân cày chè. Thành tựu khoa học nổi bật nhất là trên cơ sở nghiên cứu có hệ thống đất phèn, và áp dụng đồng bộ các tiến bộ KHKT, cộng với đổi mới quản lý kinh tế đã biến vùng Đồng Tháp Mười từ chỗ chỉ sản xuất 1 vụ lúa nổi thành sản xuất 2 vụ, năng suất 7 - 8 t/năm. Các chuyên gia nước ngoài cũng đánh giá cao trình độ khoa học của ta về cải tạo và sử dụng đất phèn. Trong chăn nuôi và thủy sản đã phổ biến ứng dụng kỹ thuật nuôi và sản xuất được giống ngỗng Rheinland và vịt Anh Đào đẻ xuất khẩu, cá trôi Ấn Độ, sản xuất được và không phải nhập artemia làm thức ăn nuôi ấu trùng tôm (30 - 60 đôla/kg), đã đưa vào ứng dụng các quy trình sản xuất thức ăn cho tôm quy mô 150 tấn thức ăn/năm, nuôi được kỹ thuật nuôi tôm sinh sản liên tiếp với quy mô 5 - 10 triệu con giống/năm, đặc biệt là đã phổ biến rộng phương pháp sản xuất rất nhanh tôm giống, miền Bắc đã bắt đầu nuôi được tôm càng xanh, và có những mô hình sản xuất rong câu chi vàng 30 tấn tươi/ha năm (3 tấn khô) và kỹ thuật diệt trừ rong tạp (Nha Trang, Phú Khánh)... Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật về chế biến lương thực, thực phẩm, cải tạo và thâm canh rừng, tạo vùng nguyên liệu cho giấy và sợi, bảo quản và vận chuyển lương thực... thu được trong hai năm qua được ứng dụng trong thực tế sản xuất và đời sống đã góp phần tích cực trong việc thực hiện chương trình lương thực - thực phẩm do Đại hội Đảng 6 đã đề ra. Riêng về chế biến lương thực: đã có nhiều mô hình chế biến màu ở quy mô xã, huyện, đưa vào cơ cấu bữa ăn, đã có những dây chuyền sản xuất công nghiệp.

Trong hai năm qua, các hoạt động KHKT cũng tiếp tục hướng mạnh vào giải quyết nhu cầu về các loại phụ tùng, vật tư thay thế nhập ngoại, về nguyên vật liệu, thiết bị và công nghệ tiên tiến cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, xây dựng, tạo ra nhiều loại sản phẩm mới, góp phần giải quyết các nhu cầu của đời sống xã hội. Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học đã được áp dụng, góp phần tích cực trong việc đổi mới công cụ lao động và trang thiết bị cũng như kỹ thuật công nghệ, góp phần tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong nhiều ngành sản xuất. Nhiều dây chuyền sản xuất các mặt hàng tiêu dùng quy mô vừa và nhỏ thích nghi với công nghiệp địa phương đã được áp dụng như giấy, vải, da, sành sứ, thủy tinh, xi măng trắng, kim khí tiêu dùng, điện tử thông dụng, thuốc chữa bệnh thông thường cho nhân dân từ nguyên vật liệu trong nước. Việc sử dụng máy vi tính vào quản lý, điều hành sản xuất, giao thông vận tải, viễn thông... đã thu được kết quả tốt tại nhiều cơ quan và cơ sở sản xuất.

Tập trung mạnh mẽ vào nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật mới vào thực tiễn, bước đầu được giải phóng khỏi cơ chế hành chính tập trung quan liêu bao cấp và được tăng cường quyền tự chủ, các hoạt động khoa học và kỹ thuật đã gắn kết tốt hơn và trực tiếp với sản xuất và đời sống kinh tế, chú trọng nhiều hơn đến hiệu quả thiết thực đối với kinh tế - xã hội. Nhiều kết quả nghiên cứu - triển khai có giá trị trước đây chưa thể áp dụng được nay đã được đưa vào thực tiễn sản xuất và đời sống như sắt xộp và gang lò điện đảm bảo cho sản xuất trên 10 vạn tấn năm, luyện gang bằng than antracit không phải dùng than cốc, đã sản xuất được gạch chịu lửa S4 và nay hoàn toàn không phải nhập, đưa vào sản xuất dầu phanh VH 3-2 và giảm đáng kể lượng dầu phanh phải nhập, sản xuất và sử dụng khối lượng lớn phụ gia hóa dẻo dễ tiết kiệm xi măng trong đúc bê tông, đã chế thử và vận hành trên đường dài thành công giá chuyên hướng toa xe khách và toa xe hàng, phanh hãm toa xe lửa. Nhiều loại vật liệu thiết bị và sản phẩm mới đã được thử nghiệm, sản xuất thử có kết quả tốt và đưa vào sản xuất như các chất kích thích sinh trưởng, thuốc kháng sinh, tảo spiruline, alfa-amilaza, nước dừa vô trùng, sử dụng điện cao thế 35 kV, máy dệt không thoi, tổng đài điện tử 128 số, bộ cột chống hãm lò trong khai thác than, sử dụng đất hiếm để biến tính nhôm, các loại vật liệu từ, oxyt titan, zircon, chế tạo được thiết bị laze, sản xuất được một số chất đồng vị phóng xạ phục vụ y tế, phát triển hầm khí biogaz ở phía Nam, khôi phục được các giếng nước sinh hoạt khoan sâu ở Hà Nội bằng phương pháp nổ mìn, chế thử được ống nước chịu áp bằng bê tông cốt thép dùng cho sinh hoạt thành phố và rất nhiều kết quả có giá trị khác. Lực lượng KHKT cũng đã được huy động để nghiên cứu đề xuất các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn cho xây dựng và vận hành hai công trình thủy điện lớn Trị An và Hòa Bình.

Những kết quả được đưa vào thực tiễn đã góp phần tích cực đáp ứng nhu cầu trong nước, tạo thêm sản phẩm mới và công nghệ mới, tiết kiệm đáng kể nguyên vật liệu và năng lượng, đặc biệt là giảm được một khối lượng đáng kể về nhập vật tư và thiết bị, mở ra những triển vọng mới trong việc khai thác tài nguyên lao động, phát triển ngành nghề trên nhiều vùng kinh tế của nước ta.

Hoạt động KHKT của các địa phương và của các cơ sở sản xuất quốc doanh, tập thể... đã có bước phát triển mới khá mạnh mẽ trong việc ứng dụng và nhân rộng việc ứng dụng tiến bộ KHKT, nhanh chóng khai thác và làm chủ được các kỹ thuật mới, công nghệ mới trong thực tiễn sản xuất, chủ động đưa kỹ thuật mới vào cải

tạo mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, tạo ra và áp dụng rất nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong hoạt động sản xuất, đưa ra nhiều sản phẩm mới, làm cho hàng hóa phong phú, đa dạng...

Trong công tác điều tra tổng hợp kinh tế, xã hội và KHKT, những kết quả thu được tại các vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ... đã được sử dụng làm căn cứ khoa học cho các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như phát triển khoa học và kỹ thuật. Khoa học đã đóng góp đáng kể cho việc quy hoạch và tổ chức sản xuất ở vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, cho việc quy hoạch phân bố lực lượng sản xuất tại các vùng lãnh thổ; đã điều tra, nghiên cứu và xây dựng các phương án phát triển sản xuất các ngành, xây dựng các mô hình thâm canh, chế biến lương thực và thực phẩm.

Các hoạt động khoa học xã hội đã đi vào nghiên cứu các quy luật của thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, góp phần tích cực vào nghiên cứu cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ và chiến lược kinh tế - xã hội ở nước ta. Một số kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội đã bước đầu cung cấp căn cứ khoa học cho việc hoạch định các chính sách và được sử dụng vào các Nghị quyết của Đảng, góp phần giải quyết một số vấn đề cấp bách trước mắt và lâu dài trong quản lý kinh tế - xã hội. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong công tác và trong cuộc sống, lực lượng khoa học xã hội đã tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu lịch sử, văn hóa và văn minh Việt Nam, và đã hoàn thành nhiều công trình nghiên cứu có giá trị như bộ từ điển tiếng Việt, địa lý Việt Nam, lịch sử Việt Nam, các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở nước ta, v.v...

Công tác nghiên cứu dự báo và xây dựng chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật đã được chú trọng, tăng cường lực lượng và xây dựng được một số dự báo phát triển khoa học và kỹ thuật, bước đầu xây dựng chính sách công nghệ, phương hướng ưu tiên phát triển khoa học và kỹ thuật, đã cung cấp được những cơ sở khoa học bước đầu cho việc hoạch định các chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và khoa học, kỹ thuật.

Đã chú trọng tăng cường và dành ưu tiên thích đáng cho việc thực hiện chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật đến năm 2010 của Hội đồng tương trợ kinh tế, kết hợp hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật với hợp tác quốc tế về kinh tế.

Hai năm qua, công tác kế hoạch hóa đào tạo cán bộ trên đại học đã bám sát mục tiêu tăng cường cán bộ khoa học có trình độ cao cho khu vực giảng dạy đại học và nghiên cứu - triển

khai, chú ý tăng cường lực lượng cán bộ khoa học đầu đàn cho các hướng mũi nhọn, các ngành có triển vọng. Đồng thời tiếp tục góp phần khắc phục tình trạng tình trạng mất cân đối, thiếu đồng bộ trong cơ cấu đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật.

Các hoạt động tiêu chuẩn đo lường, chất lượng sản phẩm đã tiến hành soát xét, sửa đổi và tiếp tục xây dựng hệ thống tiêu chuẩn các cấp, đặc biệt là TCVN và TC cơ sở theo hướng mở rộng quyền chủ động cho các cơ sở sản xuất trong việc lựa chọn phương án sản phẩm, chuyển từng bước việc giao kế hoạch xây dựng TCVN sang ký kết hợp đồng trách nhiệm, thúc đẩy tăng nhanh tiêu chuẩn cấp cơ sở, đồng thời tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước nhằm đảm bảo lợi ích chung của xã hội và người tiêu thụ, ban hành các quy định tạm thời để khống chế các mức chất lượng tối thiểu Nhà nước cần quản lý, chuyển dịch các tiêu chuẩn quốc tế ISO và SEV để khuyến khích các nhà sản xuất tiếp cận thị trường quốc tế. Mặt khác đã chú trọng đổi mới công tác quản lý chất lượng sản phẩm và hàng hóa ban hành các văn bản pháp quy cần thiết nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển lành mạnh trong các thành phần kinh tế, chống lừa dối, gian trá, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Các hoạt động thông tin KHKT, sở hữu công nghiệp đã được đẩy mạnh hơn, tập trung hướng vào việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, đổi mới cơ chế quản lý, phát triển kinh tế - xã hội và phát triển KHKT. Hoạt động thông tin KHKT đã cố gắng chủ động tìm đến người dùng tin, mở rộng các dịch vụ thông tin vào đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh tế, sản xuất kinh doanh và quản lý lãnh đạo, biên soạn và giới thiệu nhiều tài liệu có giá trị phục vụ cho lãnh đạo, quản lý và cho công cuộc đổi mới hiện nay, chủ động tìm các nguồn bổ sung kho thông tin và cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho yêu cầu công tác.

2. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật

Hai năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng 6 về đổi mới cơ chế quản lý, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã tập trung nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm về lý luận và thực tiễn theo tinh thần đổi mới của Đại hội 6, đã phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở sản xuất để thực hiện đổi mới. Cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật đã có sự thay đổi bước đầu nhưng rất cơ bản về quan điểm và phương pháp quản lý khoa học và kỹ thuật.

Việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật được tiến hành đồng bộ, phù hợp với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và được thực hiện theo quan điểm sau:

- Gắn kết chặt chẽ KHKT với kinh tế, sản xuất và đời sống xã hội.

- Coi kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật là sản phẩm hàng hóa theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa có kế hoạch gồm 5 thành phần kinh tế. Xóa bỏ kiểu quản lý hành chính bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh và tự chủ về tài chính.

- Giải phóng sức sáng tạo của lực lượng KHKT phát huy quyền tự chủ của các tổ chức và lực lượng KHKT kết hợp với quản lý Nhà nước bằng pháp chế.

- Kế hoạch KHKT xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường trong nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa; tập trung quản lý trọng điểm kết hợp với phân cấp quản lý. Kế hoạch KHKT được xây dựng từ yêu cầu đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm nâng cao chất lượng và hiệu quả của cơ sở sản xuất và các ngành.

- Phát huy dân chủ trong hoạt động KHKT, mở rộng liên kết liên doanh, và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật kết hợp với hợp tác quốc tế về kinh tế.

Đề bước đầu thực hiện đổi mới về quan điểm và phương pháp quản lý KHKT nói trên, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã kiến nghị Nhà nước ban hành các văn bản pháp quy và đã tổ chức chỉ đạo việc thực hiện như: quyết định số 134/HĐBT ngày 31/8/1987 của Hội đồng bộ trưởng về một số biện pháp khuyến khích công tác khoa học và kỹ thuật, tăng cường quyền tự chủ của các cơ quan nghiên cứu và triển khai cũng như của tập thể và cá nhân trong hoạt động khoa học kỹ thuật; chỉ thị số 199/CT ngày 25/6/1988 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về sắp xếp và kiện toàn mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật trong đó thể hiện những quan điểm cơ bản về đổi mới cơ chế quản lý KHKT; các văn bản pháp quy khác (Thông tư hướng dẫn thực hiện ND 217, 27, 28, 29 của HĐBT...) quy định và hướng dẫn hoạt động khoa học, kỹ thuật trong các cơ sở sản xuất, trong các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể, gia đình, tư doanh, cá thể; quy định về quản lý chất lượng sản phẩm và hàng hóa (chỉ thị 222 và 207 HĐBT). Phát triển các hoạt động sở hữu công nghiệp (Nghị định 85 về kiểu dáng công nghiệp và các nghị định về giải pháp hữu ích, và mua bán lixăng v.v...) đã chuẩn bị đề Nhà nước ban hành pháp lệnh về sở hữu công nghiệp, pháp lệnh về chuyển giao công nghệ.

Các văn bản pháp quy nói trên đã quyết định những phương hướng và biện pháp nhằm đổi mới một bước công tác quản lý khoa học và kỹ thuật phù hợp với việc chuyển các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh, phát triển kinh tế hàng

hóa, gắn KHKT với sản xuất và đời sống, coi sản phẩm khoa học là một loại sản phẩm hàng hóa được trao đổi và thanh toán xác nhận quyền sở hữu cá nhân của các giải pháp sáng tạo; mở rộng các hình thức tổ chức nghiên cứu, triển khai, thực nghiệm ở các cơ quan khoa học, các cơ sở sản xuất, các trường đại học, các địa phương..., phát triển các hình thức liên kết, liên doanh giữa khoa học - sản xuất và khoa học - đào tạo - sản xuất, mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết trong hoạt động khoa học và kỹ thuật; đổi mới công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa; bảo hộ Nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp phù hợp với nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần.

Bước đổi mới quan trọng và rõ nét là đã « mở cửa » rộng rãi và mạnh mẽ cho KHKT chủ động thâm nhập vào thực tế sản xuất và đời sống bằng các biện pháp mới về tổ chức và quản lý, bằng các biện pháp kinh tế và khuyến khích kinh tế thay cho cơ chế bao cấp, hành chính gò bó, mở rộng chế độ ký kết hợp đồng, đấu thầu, khoán gọn trong hoạt động KHKT cũng như giữa KHKT với sản xuất và đời sống, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ và đưa tiến bộ KHKT vào thực tiễn. Việc lựa chọn và tập trung thực hiện các chương trình và đề tài nghiên cứu trọng điểm có trao đổi với sản xuất từ đầu đã thu được kết quả và đi vào sản xuất nhanh hơn, tốt hơn, nâng cao được hiệu quả nghiên cứu. Nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học trên thực tế đã hình thành tổ chức liên hiệp khoa học - sản xuất như Viện luyện kim màu, Viện luyện kim đen, Viện chăn nuôi, Viện công nghiệp thực phẩm, Viện hóa học công nghiệp, Viện công nghiệp dệt, Trung tâm nghiên cứu da..., hình thành tổ chức liên doanh như Trung tâm nuôi trồng thủy sản III với Seaprodex và xí nghiệp đông lạnh, nhiều trường đại học công nghiệp và nông nghiệp đã mở rộng hình thức khoa học - đào tạo - sản xuất, hàng loạt trung tâm và cơ sở dịch vụ KHKT đã ra đời... Sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế cũng đã tác động mạnh đến các đơn vị kinh tế chú ý tới năng suất, chất lượng và hiệu quả, chú ý ứng dụng thành tựu KHKT. Điều nổi bật là hai năm qua, do tác động của đổi mới, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đại học, kể cả các tập thể và cá nhân nhà khoa học, đã ký kết và thực hiện một khối lượng rất lớn các hợp đồng nghiên cứu - triển khai và dịch vụ KHKT và sản xuất, đồng thời tự bỏ thêm vốn và vật tư thiết bị để thực hiện các đề tài và hợp đồng nên đem lại kết quả rõ rệt. Nhiều viện nghiên cứu đã tự bỏ vốn từ 2 đến 10 lần kinh phí Nhà nước chỉ cho thực hiện đề tài nghiên cứu; doanh số hợp đồng của nhiều viện và trung tâm nghiên cứu đạt gấp 5 đến 10 lần kinh phí

nghiên cứu KHKT do Nhà nước cấp; các trường đại học đạt doanh số hợp đồng gấp 25 lần kinh phí Nhà nước cấp cho nghiên cứu KHKT... Do đó các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật đã được đưa rộng rãi và khá mạnh mẽ vào sản xuất và đời sống tại nhiều nơi trên khắp đất nước. Đó là chiều hướng đúng, mở ra những triển vọng tốt mà chúng ta cần hoàn thiện và phát triển đề KHKT đi vào cuộc sống mạnh hơn, thiết thực hơn và có hiệu quả hơn nữa.

Trên thực tế, việc đổi mới còn phải tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện nhiều vì đây là một quá trình khó khăn, phức tạp, không dễ dàng, nhiều vấn đề chưa nhận thức được ngay từ đầu mà chỉ có thể thấy được trong quá trình thực hiện, việc ban hành và thực hiện các văn bản pháp quy gặp rất nhiều khó khăn vì phải thống nhất ý kiến với nhiều cơ quan chức năng khác có liên quan, trong thực hiện còn bị hạn chế hoặc khó thực hiện vì sự chậm đổi mới và không đồng bộ của các cơ chế chính sách khác như thuế, giá cả, tiền tệ, tín dụng, thủ tục tài chính,... Khó khăn bao trùm hơn cả là cơ chế quản lý kinh tế cũng như cơ chế quản lý KHKT còn đang trong quá trình đổi mới, cơ chế hành chính quan liêu bao cấp còn đang tồn tại, thiếu thống nhất về quan điểm và nguyên tắc cũng như biện pháp trong một số văn bản pháp quy Nhà nước đã ban hành. Mặt khác, các văn bản đều mới ban hành, phải có một quá trình thực hiện để rút kinh nghiệm và hoàn thiện, các cơ sở cũng phải chuẩn bị lực lượng và đổi mới hoạt động của mình... Do đó còn gặp nhiều lúng túng khi thực hiện, có trường hợp vận dụng tùy tiện, kết quả mang lại còn rất hạn chế.

II - NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Nhìn chung trên quy mô toàn nền kinh tế quốc dân, những kết quả đạt được nói trên tuy có ý nghĩa to lớn và đã đem lại hiệu quả thiết thực nhưng chưa đáp ứng đầy đủ và kịp thời được những đòi hỏi bức thiết của yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chưa tương xứng với khả năng của lực lượng khoa học và kỹ thuật hiện có. Nhiều thành tựu đã đạt được trong nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật chậm được đưa vào thực tiễn sản xuất và đời sống hoặc mới được đưa vào ở diện hẹp trong từng thời gian ngắn, chậm được nhân ra trên diện rộng, khoảng cách giữa những diễn biến tiên tiến do áp dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và kỹ thuật với diện đại trà và phổ biến còn khá lớn; không có đủ điều kiện vật chất kỹ thuật và thiếu cơ chế chính sách để phát huy hết tiềm năng và hiệu quả của những thành tựu đã đạt được.

Nền kinh tế còn lạc hậu, chậm phát triển và còn rất nhiều khó khăn đã hạn chế rất lớn việc ứng dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật. Trình độ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất vẫn thấp kém, chậm được đổi mới và nâng cao, trong khi đó lại lãng phí rất to lớn trong đầu tư xây dựng mới do nhiều quyết định thiếu căn cứ khoa học, thiếu chú trọng đến chuyên gia công nghệ, nhất là việc nhập công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật chỉ được khai thác dưới 50% năng lực sản xuất. Nguyên vật liệu thiếu và không đảm bảo chất lượng, thiết bị sản xuất xuống cấp nghiêm trọng, trình độ kỹ thuật, công nghệ của nhiều ngành sản xuất rất lạc hậu. Quản lý kỹ thuật chưa được chú trọng đúng mức. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản xuất vẫn chưa được cải thiện; tiêu hao vật tư, năng lượng, lao động để làm ra một đơn vị sản phẩm vẫn rất cao, có thể cao gấp rưỡi hoặc hơn hai lần so với mức tiêu hao bình quân của thế giới.

Trong sản xuất lương thực vẫn chỉ coi trọng cây lúa nước, còn coi nhẹ phát triển cây màu, cây lúa cạn, mặc dù nhiều vùng trong cả nước có thể thực hiện các mô hình nông lâm kết hợp; chưa có các chính sách cần thiết cho phát triển cây màu. Nền kỹ thuật nông nghiệp nhiệt đới chưa phát triển, năng suất bình quân về lúa và màu trong cả nước thấp hơn nhiều nước ở châu Á.

Chất lượng của nhiều loại sản phẩm tiêu dùng thiết yếu còn bấp bênh, không ổn định, hàng giả có xu hướng phát triển; hàng hóa kém chất lượng lan tràn trong cả nước.

Lực lượng khoa học và kỹ thuật nói chung và lực lượng khoa học xã hội, khoa học quản lý và kinh tế nói riêng chưa được tập hợp, chưa được huy động đúng mức cần thiết vào việc nghiên cứu, chuẩn bị luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như các chủ trương đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và quản lý xã hội, cũng chưa được tổ chức và huy động tốt vào giải quyết các yêu cầu bức thiết của kinh tế quốc dân. Nội dung của nhiều đề tài nghiên cứu - triển khai chưa bám sát yêu cầu của thực tiễn sản xuất, chưa góp phần tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, nhiều kết quả nghiên cứu còn dừng ở quy mô phòng thí nghiệm; chất lượng nghiên cứu khoa học có chiều hướng giảm sút. Hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học và kỹ thuật còn rất thấp. Trong đó việc quản lý và sử dụng vốn viện trợ của các tổ chức quốc tế cho KHKT là nguồn vốn rất to lớn và quan trọng còn phân tán tùy tiện và lãng phí. Tiềm lực khoa học và kỹ thuật không được củng cố và phát triển; nhiều cơ sở nghiên cứu - triển khai xuống cấp nghiêm trọng, trong khi nhiều cơ sở lại không sử dụng hết năng lực tiềm tàng. Lãng

phí chất xám rất nghiêm trọng. Nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học không làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; nhiều cán bộ KHKT phải tìm nguồn kiếm sống bằng công việc lao động giản đơn hoặc chỉ chờ dịp đi xuất khẩu. Có hiện tượng xuống cấp đáng lo ngại trong đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật. Thiếu những chính sách đúng đắn để đánh giá, sử dụng cán bộ KHKT và khuyến khích họ đi vào thực tiễn và gắn với cơ sở, nên đã làm giảm sút nhiệt tình sáng tạo. Bố trí lực lượng chưa hợp lý trong các ngành, các khu vực cũng như trên các địa bàn lãnh thổ.

Tiềm lực thông tin KHKT còn rất non kém, cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn, trình độ công nghệ thông tin thấp, đặc biệt nguồn tin thiếu nghiêm trọng và không kịp thời... Thiết bị nghiên cứu khoa học nói chung thuộc trình độ của mấy chục năm về trước.

Có thể nói rằng, tuy đã có những chuyển biến tốt, nhưng do những hạn chế chủ quan và khách quan, khoa học và kỹ thuật chưa phát huy được vai trò động lực, tác động của khoa học và kỹ thuật đối với phát triển kinh tế quốc dân còn hạn chế, chưa tạo được tiền đề và cơ sở cho những biến chuyển lớn và những bước nhảy vọt trong phát triển kinh tế - xã hội cũng như cho phát triển khoa học và kỹ thuật.

2. Những tồn tại nói trên trước hết bắt nguồn từ nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định nhất là cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp tồn tại quá lâu, không coi trọng chất lượng và hiệu quả, không đòi hỏi áp dụng thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật để thường xuyên đổi mới kỹ thuật, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm, không coi trọng việc lấy kỹ thuật mới và công nghệ mới làm một chính sách và động lực quan trọng để phát triển sản xuất và phát triển kinh tế, không tạo được môi trường xã hội thuận lợi cho phát triển khoa học và kỹ thuật. Cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật tuy đã có những đổi mới nhất định, nhưng nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi những ràng buộc của những chính sách, phương thức quản lý hành chính quan liêu bao cấp cũ, nhiều vấn đề của quản lý kinh tế chưa được đổi mới còn gây cản trở cho quản lý khoa học và kỹ thuật, chưa mở rộng đường cho KHKT gắn với sản xuất, đặc biệt là chưa mở rộng cửa cho khoa học và kỹ thuật tiếp xúc và tham nhập vào thế giới bên ngoài trong lúc cuộc cách mạng kỹ thuật công nghệ đang diễn ra vô cùng sôi động trên thế giới đưa đến những bước nhảy vọt của lực lượng sản xuất và tạo cơ hội thuận lợi cho phát triển kinh tế. Tuy đã có nhiều đổi mới trong cơ chế quản lý kinh tế và quản lý KHKT, nhưng chưa đảo ngược được tình hình:

chưa làm cho sản xuất đòi hỏi khoa học, tìm đến khoa học.

Một nguyên nhân quan trọng và sâu xa là nhận thức chưa đúng đắn và chưa đầy đủ của cơ quan lãnh đạo các ngành, các cấp và của xã hội về vị trí và vai trò động lực của khoa học và kỹ thuật trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, chưa thấy rõ mối quan hệ tương tác hữu cơ giữa KHKT với sản xuất xã hội, do đó chưa thực sự dựa vào khoa học, kỹ thuật trong công tác lãnh đạo và quản lý, chưa tạo điều kiện cần thiết để đưa khoa học kỹ thuật vào các quá trình ra quyết định và đặc biệt quan trọng là chưa nhận thức đầy đủ và chưa chú trọng thực hiện đổi mới và nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ của sản xuất trong quá trình đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế.

Đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật tuy số lượng tương đối đông, nhưng chưa phải là nhiều so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phát triển KHKT, tuy vậy ta chưa đủ điều kiện vật chất kỹ thuật và cả việc làm cần thiết để phát huy được năng lực và tài năng của đội ngũ cán bộ KHKT; một bộ phận cán bộ KHKT trình độ ngành nghề chưa cao, năng lực thực hành yếu, thiếu kiến thức có tính liên ngành, kiến thức ít được bổ sung, chậm được đổi mới và nâng cao. Đáng chú ý là thiếu những chuyên gia đầu đàn chủ trì nghiên cứu những hướng có tính chiến lược hoặc giải quyết những vấn đề KHKT có tính tổng hợp. Điều cần quan tâm là chất lượng giáo dục đào tạo đang trên đà giảm sút nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến chất lượng cán bộ được bổ sung vừa qua và sau này.

Tổ chức các cơ quan nghiên cứu - triển khai còn lệ thuộc vào hệ thống tổ chức hành chính, không phát huy được tính chủ động và sáng tạo trong việc liên kết khoa học với sản xuất và chuyển nhanh các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Việc đảm bảo quá kém các điều kiện vật chất như tài chính, vật tư, ngoại tệ cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật là một nguyên nhân quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến việc triển khai và đến kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và kỹ thuật, đồng thời cũng gây nên tình trạng kém chất lượng và kém hiệu quả. Kinh phí cho hoạt động KHKT thuộc khu vực trung ương, trong đó kể cả xây dựng cơ bản các cơ quan nghiên cứu - triển khai, chỉ chiếm khoảng 0,5 - 0,8% tổng chi ngân sách, kém xa mức 2% thu nhập quốc dân đã đề ra trong Nghị quyết 37 của Bộ chính trị. Vật tư và ngoại tệ cho hoạt động khoa học và kỹ thuật không đảm bảo mức tối thiểu cần thiết.

Thiếu chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật để định hướng các mục tiêu cơ bản và dài

hạn và phát triển khoa học và kỹ thuật, xác định các hướng ưu tiên phát triển khoa học và kỹ thuật, nội dung và bước đi của từng giai đoạn phát triển, định hướng cho việc sắp xếp, xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và kỹ thuật. Chưa kết hợp chặt chẽ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và KHKT.

★

Hai năm qua, hoạt động khoa học và kỹ thuật đã có những bước chuyển biến đáng phấn khởi, nhất là năm 1988 hoạt động KHKT ở các cơ sở, ở các địa phương khá sôi nổi, đã có những tác động thiết thực và có hiệu quả đối với phát triển kinh tế - xã hội cũng như phát triển khoa học kỹ thuật. Cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật đang được đổi mới theo hướng giải phóng khỏi cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp. Hệ thống tổ chức nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật đang được chuyển theo hướng gắn kết chặt chẽ với sản xuất và tăng cường quyền tự

chủ sáng tạo hoạt động khoa học xã hội đã bắt đầu chuyển mình đáng khuyến khích. Những thành tích đạt được trong hai năm qua nói lên sự phấn đấu đáng khích lệ của toàn bộ lực lượng khoa học và kỹ thuật, nhưng cũng còn nhiều tồn tại và khuyết điểm to lớn cần phải nhanh chóng khắc phục trong thời gian tới.

Thực tiễn hai năm qua cho thấy rõ ràng: Khoa học và kỹ thuật chỉ thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội khi những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật được vật chất hóa thành kỹ thuật mới, công nghệ mới, thiết bị mới, phương pháp mới và được đưa vào ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội. Điều đó lại chỉ có thể thực hiện được nhanh chóng, rộng rãi và có hiệu quả cao, khi kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật được coi là sản phẩm hàng hóa trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa và có cơ chế quản lý kinh tế xã hội tiên tiến.

ĐỀ CHO KHOA HỌC KỸ THUẬT...

(Tiếp theo trang 6)

Thực hiện phân cấp, phân quyền quyết định đối với việc cử cán bộ khoa học, kỹ thuật đi nghiên cứu, thực tập, học tập, hoặc công tác ở nước ngoài. Cho phép cán bộ và học sinh đi học ở nước ngoài nếu tự giải quyết được nguồn kinh phí. Tìm mọi cách, bằng mọi phương tiện có thể có để tiếp cận với nguồn thông tin của thế giới và có được những thông tin cần thiết đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền khoa học, kỹ thuật tiên tiến.

Thực hiện tốt những đổi mới trên đây, nhất định khoa học và kỹ thuật ở nước ta sẽ thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

★

Từ Đại hội lần thứ 6, dưới ánh sáng nghị quyết của Đại hội và tiếp theo là các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương cụ thể hóa sự đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, nội dung đều có đề cập

đến vai trò của khoa học. Hội đồng bộ trưởng đã thể chế hóa thêm một bước sự đổi mới về hình thức hoạt động, hình thức và cơ chế quản lý trong lĩnh vực khoa học. Hoạt động khoa học đã có khởi sắc mới, tiến bộ mới đáng kể, phục vụ có hiệu quả hơn các hướng trọng điểm của nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội. Trên thực tế đã xuất hiện hàng loạt mô hình thành công ở các viện nghiên cứu khoa học, các viện kỹ thuật và công nghệ, các trường đại học, các cơ quan khoa học khác, tăng cường liên kết liên doanh, thực hiện một bước nhất thể hóa khoa học - giáo dục - kinh tế tạo nên những chuyển biến đầy hứa hẹn.

Chúng ta cần tiếp tục dùng phương pháp phân tích biện chứng, kết hợp lý luận với thực tiễn, đi sâu nghiên cứu các kinh nghiệm thành công cũng như không thành công, tổng kết thành nguyên tắc và lý luận, thúc đẩy hoạt động khoa học tiến lên.

Tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố lớn, tại các địa phương và trong các ngành kinh tế quốc dân, các cơ sở kinh tế, chúng ta cần phát huy tinh thần năng động sáng tạo, đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang hình thành làm cho khoa học thực sự trở thành động lực mạnh mẽ phục vụ mục tiêu tổng quát của Đại hội, góp phần ổn định tình hình và đưa nền kinh tế - xã hội nước ta tiến lên.

Đây là nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ khoa học, cả khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, của đội ngũ đông đảo công nhân lành nghề và nông dân tiên tiến, của mỗi một người dân lao động nước ta ở mọi thành phần kinh tế, của những người Việt Nam yêu nước sống ở nước ngoài, dốc lòng phấn đấu xây dựng nền văn minh và văn hóa của nước nhà, làm cho dân ta giàu, nước ta mạnh như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước.